

Bản án số: 02/2018/DS-ST
Ngày: 21 - 12 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quách Xuân Luyện;

2. Ông Nguyễn Thế Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-DS ngày 29/11/2018, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:***

1. Chị Đỗ Thị Minh H- sinh năm 1975; địa chỉ: Số 9, tổ 3, phường THĐ, thành phố PL, tỉnh Hà Nam

2. Anh Đỗ Mạnh C - sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 9, phường HBT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam Hiện đang chấp hành án tại Đội 44, K2, Trại giam Nam Hà địa chỉ Xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng tỉnh Hà Nam Anh Đỗ Mạnh C ủy quyền cho chị Đỗ Thị Minh H (Theo giấy ủy quyền ngày 19/5/2018).

**** Bị đơn:***

1. Ông Đinh Công T - sinh năm 1956;

2. Bà Nguyễn Thị K - sinh năm 1959;

Cùng có HKTT tại Thôn ĐV 2, xã TH, huyện Thanh Liêm tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt: chị H, bà K; anh C, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2018, bản tự khai ngày 25/6/2018 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đỗ Thị Minh H trình bày:

Chị và ông Đinh Công T - sinh năm 1956 có hộ khẩu thường trú: Thôn ĐV 2, xã TH, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam có quan hệ quen biết, nên chị đã nhiều lần cho ông Đinh Công T vay tiền để làm ăn. Thời gian đầu chị cho ông T vay với số tiền khoảng vài trăm triệu, lúc này do làm ăn thuận lợi nên ông T đều thanh toán đầy đủ cho chị, nên giữa chị và ông T đã có sự tin tưởng nhau. Đến khoảng năm 2011, năm 2012 chị và em trai chị là anh Đỗ Mạnh C tiếp tục cho ông T vay tiền. Đến ngày 04/3/2012 giữ chị, anh C và ông T đã thống nhất chốt nợ, ông T viết giấy vay tiền với tổng số tiền mà chị và anh C cho ông T vay là 13 tỷ 380 nghìn đồng (Mười ba tỷ ba trăm tám mươi nghìn đồng), ông T đã cam kết sẽ thanh toán cho chị và anh C cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 15/3/2012, ông T trả số tiền 02 tỷ đồng;
- Lần 2: Ngày 30/4/2012, ông T trả số tiền 03 tỷ đồng;
- Số tiền còn lại ông T sẽ thanh toán hết vào ngày 30/5/2012.

Toàn bộ những nội dung thỏa thuận trên, bà Nguyễn Thị K (Vợ của ông T) đều biết và nhất trí ký tên vào giấy vay tiền.

Để đảm bảo cho khoản nợ trên ông Đinh Công T và bà Nguyễn Thị K có thể chấp cho chị và anh C 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 267663 của UBND huyện Thanh Liêm cấp ngày 06/6/2006 cho hộ ông Đinh Công T và bà Nguyễn Thị K. Khi cho ông T vay tiền các bên không có thỏa thuận gì về lãi suất, ông T chỉ hứa sẽ trả lãi cho chị xứng đáng. Tuy nhiên hết thời hạn trên ông Đinh Công T và bà Nguyễn Thị K không thực hiện đúng cam kết mà chỉ mới trả cho chị và anh C tổng số tiền là 4,2 tỷ đồng. Ông T, bà K còn nợ lại chị và anh C số tiền là 8,8 tỷ 380 nghìn đồng (Tám tỷ tám trăm triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng). Từ đó đến nay, ông T và bà K không trả cho chị bất cứ khoản tiền nào. Trong tổng số tiền cho ông T, bà K vay thì anh Đỗ Mạnh C có là 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng), số tiền còn lại là của chị tiết kiệm và vay mượn của bạn bè người thân, mọi giao dịch liên quan đến việc vay tiền đều do chị H thực hiện.

Nay chị đề nghị Tòa án buộc ông T, bà K phải trả cho chị và anh C tổng số tiền là 8,8 tỷ 380 nghìn đồng (Tám tỷ tám trăm triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó số tiền của anh Đỗ Mạnh C là 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng), của chị là 7.950.380.000 đồng (Bảy tỷ chín trăm năm mươi triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng). Chị không yêu cầu ông T, bà K phải trả tiền lãi. Trường hợp ông T, bà K không có khả năng trả cho chị và anh C bằng tiền mặt, thì chị đề nghị Tòa án định giá toàn bộ tài sản mà ông T, bà K đã thế chấp để giao

quyền sử dụng cho chị để trừ vào khoản nợ của ông T, bà K. Số tiền còn nợ lại ông T, bà K phải tiếp tục trả cho chị và anh C cho đến khi hết số nợ trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2018, anh Đỗ Mạnh C trình bày: Anh là em trai của chị Đỗ Thị Minh H và chỉ có quan hệ làm ăn với ông T, bà K. Do quen biết và làm ăn, nên trong khoảng năm 2010, 2011 anh và chị H đã nhiều lần cho ông T vay tiền, thời gian đầu anh và chị H chỉ cho ông T vay mỗi lần vài trăm triệu đồng, lúc này do công ty của ông T làm ăn được nên đều thanh toán đầy đủ cho anh và chị H nên giữa anh, chị H và ông T đã có sự tin tưởng. Sau đó, ông T nói Công ty cần vốn nên tiếp tục vay tiền của anh và chị H để làm ăn, sau nhiều lần vay tiền, đến ngày 04/3/2012 giữa anh, chị H và ông T đã thống nhất số nợ, ông T đã viết giấy vay tiền với số tiền là 13 tỷ 380 nghìn đồng. Ông T hẹn đến 15/3/2012 sẽ thanh toán trả cho anh và chị H số tiền 2 tỷ đồng, ngày 30/4/2012 trả 3 tỷ đồng và đến ngày 30/5/2012 trả hết số tiền còn lại. Sau khi viết giấy vay nợ, ông T có mang giấy vay nợ về cho bà K đọc và ký tên, đồng thời ông T có mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 267663 là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Đinh Công T và bà Nguyễn Thị K được UBND huyện Thanh Liêm cấp ngày 26/6/2006 (bản chính), trên đất có nhà, công trình phụ để thế chấp. Trong khoản tiền anh và chị H cho ông T, bà K vay thì anh có 850.000.000 đồng, toàn bộ số tiền còn lại là của chị H. Anh không rõ chị H và ông T có thỏa thuận với nhau về tiền lãi không, anh chỉ nhận tiền lãi từ chị H là 3%/tháng/tổng số tiền. Toàn bộ các giao dịch liên quan đến việc vay tiền đều do chị H thực hiện. Nay anh yêu cầu ông T, bà K phải có trách nhiệm trả cho anh số tiền là 850.000.000 đồng, anh không yêu cầu ông T, bà K phải trả tiền lãi. Trường hợp ông T, bà K không trả được cho anh và chị H số tiền còn nợ, thì anh đề nghị Tòa án định giá toàn bộ tài sản ông T, bà K đã thế chấp và giao lại cho chị H sử dụng để trừ vào số tiền nợ, số tiền còn lại ông T, bà K tiếp tục thanh toán trả cho anh và chị H.

Hiện nay anh đang chấp hành án phạt tù nên anh không thể tự mình đến Tòa án làm thủ tục khởi kiện và tham gia tố tụng tại phiên tòa được nên anh đã ủy quyền cho chị Đỗ Thị Minh H được toàn quyền thực hiện các thủ tục tố tụng để đòi lại khoản nợ ông T, bà K đã vay của anh và chị H.

Tại bản tự khai, bị đơn bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà là vợ ông Đinh Công T, còn không có quan hệ gì với chị H và anh C. Vào khoảng năm 2012, chị H và ông T có về nhà bảo bà đưa 30.000.000 đồng tiền mặt để đưa máy vào Thanh Hóa làm ăn (bà không biết máy gì và để làm ăn gì), nhưng lúc đó bà không có tiền nên chị H đã bảo bà đưa cho chị H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà để chị H đi vay tiền và hẹn bà nửa tháng sau sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng sau đó chị H vẫn chưa trả lại cho gia đình bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi bà đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị H thì ông T có viết giấy vay nợ với chị H với nội dung: Ông T và bà có vay của chị H số

tiền 30.000.000 đồng, bà có ký vào giấy vay nợ đó. Ngoài ra, bà không còn ký bất kỳ giấy vay nợ nào với chị H và anh C nữa. Về chữ ký trong giấy vay nợ mà chị H đã nộp cho Tòa, bà xác nhận đúng là chữ ký của bà, nhưng bà xác định chỉ vay của chị H số tiền là 30.000.000 đồng, chứ không phải số tiền 13 tỷ 380 nghìn đồng như nguyên đơn trình bày. Vì vậy bà chỉ đồng ý trả cho chị H số tiền 30.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu chị H phải trả cho gia đình bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chị H đang giữ của gia đình bà. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, yêu cầu bà và ông T phải trả cho chị H và anh C số tiền 8,8 tỷ 380 nghìn đồng và xử lý đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 26, tờ bản đồ PL16 và toàn bộ tài sản trên đất, bà có quan điểm: Bà không vay của chị H nên bà không có trách nhiệm phải trả cho chị H và cũng không nhất trí xử lý tài sản thế chấp. Nếu ông T có vay của chị H thì ông T tự trả, bà không có liên quan gì.

Đối với ông Đinh Công T, theo cung cấp của bà Nguyễn Thị K, ông Đinh Công T đã bỏ đi khỏi nhà từ năm 2014 đến nay không có tin tức gì. Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhưng hết thời hạn đăng thông báo vẫn không có tin tức gì của ông T, ông T cũng không có lần nào về Tòa án để làm việc, nên Tòa án không thể ghi nhận được ý kiến của ông Đinh Công T.

Tại phiên tòa:Chị H, bà K đều giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên:Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Đinh Công T và bà Nguyễn Thị K thanh toán trả chị Đỗ Thị Minh H và anh Đỗ Mạnh C số tiền 8,8 tỷ 380 nghìn đồng; bác yêu cầu giải quyết về tài sản thế chấp của nguyên đơn; bác các yêu cầu khác của các đương sự và giải quyết về án phí dân sự, chi phí tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là ông Đinh Công T và bà Nguyễn Thị Khiện

đang có HKTT và cư trú tại xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm.

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, nhưng bị đơn ông Đinh Công T vẫn vắng mặt không có lý do; theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hợp đồng vay tài sản: Khi thỏa thuận viết giấy vay tiền các bên đều hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, nội dung giấy vay tiền không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Do vậy, xác định giấy vay tiền giữa chị Đỗ Thị Minh H, anh Đỗ Mạnh C, ông Đinh Công T và bà Nguyễn Thị K là hợp pháp.

- Xét yêu cầu của chị Đỗ Thị Minh H và anh Đỗ Mạnh C: Yêu cầu ông Đinh Công T và bà Nguyễn Thị K cùng phải có trách nhiệm trả cho chị H, anh C số tiền 8,8 tỷ 380 nghìn đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc chị Đỗ Thị Minh H và anh Đỗ Mạnh C cho ông Đinh Công T và bà Nguyễn Thị K vay số tiền 13 tỷ 380 nghìn đồng là có cơ sở, bản thân ông T đã thừa nhận và viết giấy vay tiền đối với số tiền trên, bà Nguyễn Thị K mặc dù không thừa nhận khoản nợ 13 tỷ 380 nghìn đồng trong giấy vay tiền, nhưng đã xác định chữ ký trong giấy vay tiền đúng là chữ ký của bà và ông Đinh Công T. Trong quá trình vay nợ, ông T đã trả cho chị Đỗ Thị Minh H tổng số tiền là 4,2 tỷ đồng (các lần thanh toán đã được các bên thỏa thuận và ghi trong giấy vay tiền), số tiền còn lại là 8,8 tỷ 380 nghìn đồng. Kể từ thời điểm ông T vay tiền và các bên lập giấy vay tiền cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ông T và bà K vẫn còn quan hệ vợ chồng. Vì vậy, đến nay chị Đỗ Thị Minh H yêu cầu ông Đinh Công T và bà Nguyễn Thị K cùng có trách nhiệm trả số tiền 8,8 tỷ 380 là có căn cứ và phù hợp với thực tế nên được chấp nhận.

- Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Tại thời điểm chị Đỗ Thị Minh H và anh Đỗ Mạnh C cho ông T, bà K vay tiền, ông T và bà K có giao cho chị H một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE267663 của UBND huyện Thanh Liêm cấp ngày 06/6/2006 cho hộ ông Đinh Công T và bà Nguyễn Thị K để thế chấp cho khoản tiền vay. Tuy nhiên, các bên không làm các thủ tục đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền, vì vậy việc thế chấp này không đúng các quy định của pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về yêu cầu của bà Nguyễn Thị K: Bà xác định chi vay của chị H số tiền là 30.000.000 đồng, do vậy bà chỉ đồng ý trả cho chị H số tiền 30.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu chị H phải trả cho gia đình bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chị H đang giữ của gia đình bà. Xét thấy, ngoài lời khai bà K không có tài liệu nào chứng minh được việc bà vay của chị H số tiền 30.000.000 đồng, phía nguyên đơn cũng không có yêu cầu đối với số tiền nêu trên. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị K.

[4] Về tiền lãi do các bên không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 3.500.000đ, nguyên đơn đã nộp tạm ứng và đã quyết toán xong. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị Minh H tự nguyện nộp khoản tiền này và không yêu cầu các bị đơn phải thanh toán trả, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản thế chấp không được tòa án chấp nhận nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự;
- Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Minh H và anh Đỗ Mạnh C: Buộc ông Đinh Công T và bà Nguyễn Thị K cùng có trách nhiệm trả cho chị Đỗ Thị Minh H và anh Đỗ Mạnh C số tiền nợ gốc là 8,8 tỷ 380 nghìn đồng; trong đó:

- Trả chị Đỗ Thị Minh H số tiền nợ gốc là 7.950.380.000 đồng (Bảy tỷ chín trăm năm mươi triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng);

- Trả anh Đỗ Mạnh C số tiền nợ gốc là 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 21, tờ bản đồ PL 16, diện tích 313 m² và tài sản trên đất là nhà cấp I, diện tích xây dựng 120 m² tại địa chỉ: Thôn ĐV I, xã TH, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đinh Công T và bà Nguyễn Thị K phải chịu là 116.800.000đ (Một trăm mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

- Chị Đỗ Thị Minh H và anh Đỗ Mạnh C mỗi người phải nộp 150.000 đồng được đối trừ số tiền 54.800.000 đồng mà chị H đã nộp theo biên lai số 04352

ngày 21/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm. Trả lại chị Đỗ Thị Minh H số tiền 54.500.000đ (Năm mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự” ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND xã Thanh Hải;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Huy